| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<br>TỈNH TUYÊN QUANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

SỞ TƯ PHÁP T.TUYÊN QUANG
Ngày 29-07-2016
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 2863

Số: 29 /NQ-HĐND

*Tuyên Quang, ngày 13 tháng 7 năm 2016*

# NGHỊ QUYẾT

**Về bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 và danh mục công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.**

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
## KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2016 về bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 và danh mục công trình, dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 và danh mục công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

**1. Dự án, công trình phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013**

Tổng dự án phải thu hồi đất để phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh là: 81 dự án, công trình với tổng diện tích thu hồi 385,03 ha, gồm có:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được

xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương: 11 dự án, với diện tích 15,72 ha.

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải: 21 dự án, với diện tích 203,07 ha.

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 31 dự án, với diện tích 86,64 ha.

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 16 dự án, với diện tích 75,77 ha.

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản: 02 dự án, với diện tích 3,84 ha.

*(Chi tiết có Biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07,08 kèm theo)*

**2. Dự án, công trình sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58, Luật Đất đai năm 2013**

Tổng số dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh là: 50 dự án, công trình với tổng diện tích 254,92 ha, trong đó đất trồng lúa 65,50 ha, các loại đất khác 189,42 ha, cụ thể:

a) Dự án, công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng của địa phương: 44 dự án, với tổng diện tích thu hồi 253,23 ha, trong đó sử dụng 64,01 ha đất trồng lúa, gồm:

- Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương: 05 dự án, với diện tích 10,84 ha, trong đó có sử dụng 7,86 ha đất trồng lúa.

- Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải: 13 dự án, với diện tích 195,46 ha, trong đó có sử dụng đất trồng lúa 34,88 ha;

- Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 15 dự án, với diện tích 36,12 ha, trong đó có sử dụng đất trồng lúa 10,80 ha.

- Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 09 dự án, với diện tích 6,98 ha, trong đó có sử dụng đất trồng lúa 6,83 ha;

- Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản: 02 dự án, với diện tích 3,84 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa 3,64 ha.

b) Các dự án khác không thuộc đối tượng Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải chuyển mục đích đất trồng lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ dưới 20 ha trên địa bàn tỉnh: 06 dự án, với diện tích 1,69 ha, trong đó có sử dụng vào đất trồng lúa 1,49 ha.

*(Chi tiết có Biểu 09 kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2016./.

***Nơi nhận:***
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng tin học - Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Chuyên viên VP HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

**Nguyễn Văn Sơn**

*Biểu số 01*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT (TRONG THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NĂM 2016) THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| STT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* |
| | **TỔNG CỘNG** | **81** | **385,03** | **64,01** | - | - | **321,02** |
| I | Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước , tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng , công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương | 11 | 15,72 | 7,86 | - | - | 7,86 |
| II | Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông , thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc , chiếu sáng đô thị ; công trình thu gom , xử lý chất thải | 21 | 203,07 | 34,88 | - | - | 168,19 |
| III | Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư ; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên , nhà ở xã hội , nhà ở công vụ ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; | 31 | 86,64 | 10,80 | - | - | 75,84 |
| IV | Dự án xây dựng khu đô thị mới , khu dân cư nông thôn mới ; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; | 16 | 75,77 | 6,83 | - | - | 68,94 |
| V | Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản. | 2 | 3,84 | 3,64 | - | - | 0,20 |

*Biểu số 02*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng ( ha ) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Đất khác* | | | |
| | **TỔNG CỘNG** | **8** | **60,65** | **10,42** | **-** | **-** | **50,23** | | | |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương** | **1** | **2,54** | **1,48** | **-** | **-** | **1,05** | **-** | | |
| 1 | Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang | 1 | 2,54 | 1,48 | | | 1,05 | Tổ 16, phường Tân Hà | *Quyết định số 1455a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang* | Văn bản số 71/SKH-THKH ngày 26/01/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về thông báo kế hoạch vốn, danh mục đầu tư và xây dựng năm 2016 |
| **II** | ***Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải*** | **3** | **15,64** | **6,50** | **-** | **-** | **9,14** | | | |

| TT | Tên công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng ( ha ) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Đất khác* | | | |
| 1 | Dự án mở mới đường Lý Thái Tổ | 1 | 5,80 | 4,00 | | | 1,80 | Tân Quang, Phan Thiết, Ỷ La, thành phố Tuyên Quang | Quyết định số 1129/QĐ-CT ngày 16/7/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án mở mới đường Lý Thái Tổ | Vốn nhà đầu tư (thực hiện theo hình thức BT) |
| 2 | Trạm xử lý nước mặt | 1 | 1,00 | | | | 1,00 | thôn Viên Châu 1, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | Văn bản số 208-TB/TU ngày 04/7/2016 của Thường trực tỉnh ủy về chủ trương một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh | Vốn nhà đầu tư (Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Thanh Giang) |
| 3 | Xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 QL2) thuộc dự án đường Hồ Chí Minh (Tiểu dự án 2: Đầu tư xây dựng đường dẫn hai đầu cầu Bình Ca từ Km0+00 - Km4+329,7 và từ Km8+678 - Km12+291,37 (Km124+500 QL2); và khu tái định cư | 1 | 8,84 | 2,50 | | | 6,34 | xã An Khang, xã Thái Long và xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh; Văn bản số 1136/UBND-GT ngày 14/5/2016 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tiểu dự án GPMB cầu Bình Ca và đường dẫn cầu Bình Ca thuộc đường Hồ Chí Minh | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh |

| TT | Tên công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng ( ha ) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Đất khác* | | | |
| **III** | **Dự án xây d ựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư , nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội , nhà ở công vụ ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa , thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng ; chợ; nghĩa trang , nghĩa địa , nhà tang lễ , nhà hỏa táng** | **3** | **40,97** | **0,94** | **-** | **-** | **40,03** | | | |
| 1 | *Thiền viện Trúc Lâm* | **1** | 40,03 | | | | 40,03 | Khu vực núi Dùm và xóm 15, xã Tràng Đà | Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Thiền viện Trúc Lâm tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư |
| 2 | Khu dịch vụ, bãi đỗ xe đền Cấm Sơn, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | 1 | 0,54 | 0,54 | | | | Thôn Hưng Kiều 4, *xã An Tường, TP TQ* | QĐ số 40a/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dịch vụ, bãi đỗ xe đền Cấm Sơn, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | Vốn của Chủ đầu tư |

| TT | Tên công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng ( ha ) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Đất khác* | | | |
| 3 | Sân vận động xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang (giai đoạn 2) | 1 | 0,40 | 0,40 | | | | Thôn Chè 6, xã Lưỡng Vượng, TP TQ | Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 | *Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2016 từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí* |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới , khu dân cư nông thôn mới ; chỉnh trang đô thị , *khu dân cư nông thôn* ; cụm công nghiệp ; khu sản xuất , chế biến nông sản , lâm sản , thủy sản , hải sản tập trung ; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;** | **1** | **1,50** | **1,50** | **-** | **-** | **-** | | | |
| 1 | Khu dân cư trục đường Quốc lộ 2 từ đường vào Viến Châu đến giáp ngã ba đi Đồng Thắm thuốc xã An Tường, thành phố Tuyên Quang (Nay là khu dân cư An Phú, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang) | 1 | 1,50 | 1,50 | | | | Xã An Tường, TP TQ | Quyết định số 2119/QĐ-CT ngày *7/6/2013 của Chủ tịch* UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư trục đường Quốc lộ 2 từ đường vào Viến Châu đến giáp ngã ba đi Đồng Thắm thuốc xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | *Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2016 từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí* |

| TT | Tên công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng ( ha ) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Đất khác* | | | |
| **V** | **Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có *khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ* và khai thác tận thu khoáng sản.** | | | | | | | | | |

*Biểu số 03*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa* | *Đất rừng đặc dụng* | *Đất rừng phòng hộ* | *Các loại đất khác* | | | |
| | **Tổng cộng** | **5** | **5,65** | **3,22** | **-** | **-** | **2,43** | | | |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị , tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa , danh lam thắng cảnh được xếp hạng , công viên , quảng trường , tượng đài , bia tưởng niệm , công trình sự nghiệp công cấp địa phương** | **1** | **0,40** | **-** | **-** | **-** | **0,40** | | | |
| 1 | Xây dựng trụ sở làm việc Toà án nhân dân huyện Lâm Bình | 1 | 0,40 | | | | 0,40 | Lăng Can | QĐ số 166a/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 30/10/2015 của Toà án nhân dân tối cao về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới trụ sở làm việc Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020 | Văn bản số 145/KHTC ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Toà án nhân dân tối cao về việc thông báo kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2016 |
| **II** | **Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải** | **2** | **3,53** | **3,00** | **0** | **0** | **0,53** | | | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa* | *Đất rừng đặc dụng* | *Đất rừng phòng hộ* | *Các loại đất khác* | | | |
| 1 | Xây dựng đường vào nghĩa trang thôn Khun Hon | 1 | 3,03 | 3,00 | | | 0,03 | Thượng Lâm | Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng nguồn vốn góp của tập đoàn Điện lực Việt Nam tại quyết định 273/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Uỷ ban nhâ dân tỉnh | Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng nguồn vốn góp của tập đoàn Điện lực Việt Nam tại quyết định 273/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Uỷ ban nhâ dân tỉnh |
| 2 | Bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng đường vào nghĩa trang thôn Nặm Díp | 1 | 0,50 | - | | | 0,50 | Lăng Can | | |
| **III** | **Dự án xây d ựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư ; dự án tái định cư , nhà ở cho sinh viên , nhà ở xã hội , nhà ở công vụ ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo ; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng** | | | | | | | | | |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới , khu dân cư nông thôn mới ; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn ; cụm công nghiệp; khu sản xuất , chế biến nông sản, lâm sản , thủy sản , hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ , rừng đặc dụng;** | **2** | **1,72** | **0,22** | **0** | **0** | **1,5** | | | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa* | *Đất rừng đặc dụng* | *Đất rừng phòng hộ* | *Các loại đất khác* | | | |
| 1 | Xây dựng khu dân cư trung tập trung thôn Nà Cọn | 1 | 0,22 | 0,22 | | | | Xã Thổ Bình | Quyết định số 177 /QĐ-UBND ngày 9/6/2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Bình Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nà Cọn, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 177 /QĐ-UBND ngày 9/6/2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Bình Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nà Cọn, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang |
| 2 | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Tống Pu | 1 | 1,50 | | | | 1,50 | Xã Bình An | Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 9/6/2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Bình Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nà Cọn, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 9/6/2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Bình Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nà Cọn, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang |

*Biểu số 04*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| | **TỔNG CỘNG** | **3** | **3,77** | **0,55** | **-** | **-** | **3,22** | **-** | | **-** |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương** | | | **-** | | | | | | |
| **II** | **Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải** | **1** | **1,17** | **0,23** | **-** | **-** | **0,94** | | | |
| 1 | Đường từ Bản Tàm, xã Sơn Phú đến đường ĐT.190 (nay là QL 279), xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | 1 | 1,17 | 0,23 | | | 0,94 | Thôn Bản Tàm, thôn Bản Lằn, xã Sơn Phú | Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình đường từ Bản Tàm xã Sơn Phú đến đường ĐT.190 (nay là quốc lộ 279), xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | Vốn đi dân tỉnh |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| **III** | **Dự án xây d ựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư , nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội , nhà ở công vụ ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa , thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng ; chợ; nghĩa trang , nghĩa địa , nhà tang lễ , nhà hỏa táng** | **1** | **0,60** | **0,32** | **-** | **-** | **0,28** | | | |
| 1 | Sân thể thao xã Côn Lôn | 1 | 0,60 | 0,32 | | | 0,28 | Thôn 4, Xã Côn Lôn | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Văn bản số 270/UBND-NLN ngày 28/4/2016 của UBND huyện Na Hang về việc đề xuất phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới , khu dân cư nông thôn mới ; chỉnh trang đô thị , khu dân cư nông thôn ; cụm công nghiệp ; khu sản xuất , chế biến nông sản , lâm sản , thủy sản , hải sản tập trung ; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;** | **1** | **2,00** | **-** | **-** | **-** | **2,00** | | | |
| 1 | Dự án nhà máy sản xuất, chế biến gỗ và sản xuất rượu ngô men lá tại cụm công nghiệp huyện Na Hang | 1 | 2,00 | | | | 2,00 | | Văn bản số 208-TB/TU ngày 04/7/2016 của Thường trực tỉnh ủy về chủ trương một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh | Vốn nhà đầu tư (Công ty TNHH Vĩnh Bình) |

*Biểu số 05*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên dự án, công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| | **Tổng** | **12** | **7,51** | **1,94** | **-** | **-** | **5,57** | | | |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;** | **1** | **0,54** | **0,22** | **0** | **0** | **0,32** | | | |
| 1 | Chi cục thuế huyện Chiêm Hóa | 1 | 0,54 | 0,22 | | | 0,32 | Đồng Tụ, thị trấn Vĩnh Lộc | Văn bản số 749/UBND-TNMT ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương và địa điểm quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc của Chi cục Thuế huyện Chiêm Hóa; | Văn bản số 2650/BTC-KHTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính |
| **II** | **Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải** | **1** | **0,30** | **-** | **-** | **-** | **0,30** | | | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 1 | Xây dựng tuyến đường dây 110 Kv để đấu nối vào hệ thống lưới điện quốc gia thuộc dự án nhà máy nhiệt điện sinh Khối mía đường Tuyên Quang | 1 | 0,30 | | | | 0,30 | xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa | Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện sinh Khối mía đường Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần mía đường Tuyên Quang) |
| **III** | **Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; *nghĩa trang, nghĩa địa*, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;** | **5** | **4,8** | **0,2** | **0** | **0** | **4,6** | | | |
| 1 | Nghĩa trang nhân dân xã Vinh Quang | 1 | 1,0 | - | | | 1,0 | thôn Vĩnh Tường, xã Vinh Quang | Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương Nghĩa trang tập trung xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn huy động khác |
| 2 | Bãi rác thải tập trung xã Vinh Quang | 1 | 1,0 | - | | | 1,0 | Thôn An Ninh, xã Vinh Quang | Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương bãi rác thải trung tâm xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn huy động khác |

| TT | Tên dự án, công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 3 | Sân thể thao trung tâm xã Vinh Quang | 1 | 0,9 | 0,20 | | | 0,65 | thôn Vĩnh Tường, xã Vinh Quang | Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương bãi rác thải trung tâm xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn huy động khác |
| 4 | Sân vận động trung tâm huyện | 1 | 0,2 | | | | 0,15 | Tổ Vĩnh Lim TT Vĩnh Lộc | Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc phê duyệt chủ trươngđầu tư xây dựng công trình: Cải tạo sân vận động trung tâm (giai đoạn II) huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng công trình năm 2016 của huyện Chiêm Hóa |
| 5 | Nghĩa trang huyện | 1 | 1,8 | | | | 1,80 | Tổ Đồng Luộc, TT Vĩnh Lộc | Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch vốn và giao dự toán kinh phí công tác nghĩa trang và mộ liệt sỹ năm 2016. | Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch vốn và giao dự toán kinh phí công tác nghĩa trang và mộ liệt sỹ năm 2016. |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;** | **5** | **1,87** | **1,52** | **0** | **0** | **0,35** | | | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 1 | Khu dân cư Noong Phường, thôn Nong Phường, xã Minh Quang | 1 | 0,35 | 0,35 | | | | thôn Nong Phường, xã Minh Quang | Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Noong Phường, thôn Noong Phường, xã Minh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |
| 2 | Khu dân cư Tát Chùa, thôn Tát Chùa, xã Yên Nguyên | 1 | 0,30 | 0,25 | | | 0,05 | thôn Tát Chùa, xã Yên Nguyên | Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Tát Chùa, thôn Tát Chùa, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |
| 3 | Khu dân cư Nà Coóng, thôn Nông Tiến 1, xã Trung Hà | 1 | 0,38 | 0,38 | | | | thôn Nông Tiến 1, xã Trung Hà | Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Nà Coóng, thôn Nông Tiến 1, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |

| TT | Tên dự án, công trình | Số dự án, công trình | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 4 | *Khu dân cư trung tâm xã, thôn Bản Tụm, xã Tân Mỹ* | 1 | 0,54 | 0,54 | | | | thôn Bản Tụm, xã Tân Mỹ | Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư trung tâm xã, thôn Bản Tụm, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |
| 5 | Khu dân cư Bản Chỏn thôn Bản Chỏn, xã Phúc Sơn | 1 | 0,30 | - | | | 0,3 | thôn Bản Chỏn, xã Phúc Sơn | Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Bản Chỏn, thôn Bản Chỏn, xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |

*Biểu số 06*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | (Văn bản bố trí vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| | **TỔNG** | **26** | **162,57** | **21,66** | **-** | **-** | **140,91** | | | |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương.** | **4** | **3,28** | **0** | **0** | **0** | **3,28** | | | |
| 1 | Xây dựng Trạm y tế xã | 1 | 1,70 | | | | 1,70 | Thôn Đình Đặng, xã Đức Ninh | Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 của tỉnh Tuyên Quang (đợt 1) | Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 của tỉnh Tuyên Quang (đợt 1) |
| 2 | Chốt quản lý bảo vệ rừng | 1 | 0,02 | | | | 0,02 | Thôn Cao Đường, Yên Thuận | Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên về việc thành lập Chốt bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng thôn Cao Đường thuộc Trạm Kiểm lâm Yên Thuận, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Cham Chu | Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên về việc phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí cho Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Cham Chu huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |
| 3 | Xây dựng trường Tiểu học Hùng Thắng | 1 | 1,48 | - | | | 1,48 | Thôn Thắng Bình, xã Hùng Đức | Quyết định số 3107/QĐ-CT ngày 16/9/2015 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nhà lớp học trường Tiểu học Hùng Thắng, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | (Văn bản bố trí vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 4 | Phòng thể chất, nghệ thuật Trường mầm non Hùng Đức | 1 | 0,08 | | | | 0,08 | Xã Hùng Đức | Quyết định số 2466/QĐ-CT ngày 27/10/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: San nền mặt bằng và xây dựng 01 phòng thể chất nghệ thuật Trường Mầm non Hùng Đức, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn huyện quản lý năm 2014 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |
| **II** | **Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông , thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc , chiếu sáng đô thị ; công trình thu gom, xử lý chất thải** | **6** | **154,47** | **19,47** | **-** | **-** | **135,00** | | | |
| 1 | Nhà máy thủy điện Sông Lô 6 | 1 | 60,00 | 9,90 | | | 50,10 | xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên | Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000177 ngày 15/11/2014 do UBND tỉnh Hà Giang cấp lần đầu để thực hiện dự án thủy điện Sông Lô 6 tại xã Vĩnh Hảo huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang và xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; Văn bản số 2419/UBND-CN ngày 05/10/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc khảo sát lập dự án Thủy điện Sông Lô 6 | Vốn Nhà đầu tư (Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang) |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | (Văn bản bố trí vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 2 | Xây dựng tuyến đường dây 110 Kv để đấu nối vào hệ thống lưới điện quốc gia thuộc dự án nhà máy nhiệt điện sinh Khối mía đường Tuyên Quang | 1 | 0,10 | | | | 0,10 | xã Bình Xa, huyện Hàm Yên | Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện sinh Khối mía đường Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần mía đường Tuyên Quang) |
| 3 | Bãi tập kết rác thải | 1 | 0,07 | 0,07 | | | - | Thôn Cây Chanh 1, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 28/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch vốn tại 06 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 |
| 4 | Đường dây và trạm biến áp 110 kv Hàm Yên, Tuyên Quang | 1 | 2,30 | 0,30 | | | 2,00 | Thị trấn Tân Yên, xã Đức Ninh, xã Thái Hòa, xã Thành Long huyện Hàm Yên | Văn bản số 1195/UBND-CN ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây và vị trí trạm biến áp 110 Kv Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư (Ban quản lý dự án lưới điện) |
| 5 | Xây dựng thủy điện Thác Vàng | 1 | 89,00 | 9,20 | | | 79,80 | Xã Minh Dân, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên | Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng thủy điện Thác Vàng | Vốn nhà đầu tư (Công ty cổ phần công nghiệp Long Việt) |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | (Văn bản bố trí vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 6 | Bãi xử lý rác tập trung (bãi rác trung tâm xã) | 1 | 3,00 | - | | | 3,00 | Thôn Chợ Tổng, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Tờ trình số 54 /TTr-SKH ngày 18 /5/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 |
| **III** | **Dự án xây d ựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư ; dự án tái định cư , nhà ở cho sinh viên , nhà ở xã hội , nhà ở công vụ ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo ; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;** | **16** | **4,82** | **2,19** | **0,00** | **0,00** | **2,63** | | | |
| 1 | Nhà Văn hóa thôn Ngòi Lộc | 1 | 0,14 | 0,02 | | | 0,12 | Thôn Ngòi Lộc, xã Minh Khương | Quyết định 1044/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn Ngòi Khương và san nền nhà văn hóa thôn Ngòi Lộc, xã Minh Khương | Quyết định 89/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt kế hoạch vốn và giao dự toán kinh phí năm 2016 để thực hiện Chương trình 135 năm 2016 đối với các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |
| 2 | Xây dựng Sân thể thao thôn Lập Thành | 1 | 1,50 | 1,50 | | | | Thôn Lập Thành, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | |
| 3 | Xây dựng Sân thể thao thôn Cây Xoan | 1 | 0,15 | - | | | 0,15 | Thôn Cây Xoan, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | (Văn bản bố trí vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 4 | Xây dựng Sân thể thao thôn Cây Chanh 1 | 1 | 0,15 | 0,15 | | | | Thôn Cây Chanh 1, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | Quyết định 89/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt kế hoạch vốn và giao dự toán kinh phí năm 2016 để thực hiện Chương trình 135 năm 2016 đối với các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |
| 5 | Xây dựng Sân thể thao thôn Chẽ | 1 | 0,23 | 0,19 | | | 0,04 | Thôn Chẽ, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | |
| 6 | Xây dựng Sân thể thao thôn Đình Đặng | 1 | 0,04 | 0,04 | | | | Thôn Đình Đặng, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | |
| 7 | Xây dựng Sân thể thao thôn Núi Guột | 1 | 0,04 | | | | 0,04 | Thôn Núi Guột, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | |
| 8 | Xây dựng Sân thể thao thôn 21 | 1 | 0,17 | 0,17 | | | | Thôn 21, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2017 | |
| 9 | Nhà Văn hóa thôn Đồng Mới | 1 | 0,10 | | | | 0,10 | Thôn Đồng Mới, xã Minh Dân | Quyết định 1054/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn Nhà văn hóa thôn Đồng Mới, xã Minh Dân | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đâu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | (Văn bản bố trí vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 10 | Xây dựng nhà văn hóa Thôn Trung Tâm | 1 | 0,05 | 0,05 | | | | Thôn Trung Tâm, xã Minh Dân | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |
| 11 | Xây dựng nhà văn hóa Thôn Lâm Tiến | 1 | 0,05 | 0,05 | | | | Thôn Lâm Tiến, xã Minh Dân | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |
| 12 | Xây dựng nhà văn hóa Thôn Vườn Ươm | 1 | 0,04 | | | | 0,04 | Xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Công văn số 334/UBND - VP ngày 4/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc hỗ trợ kinh phí XD nhà văn hoá và xoá nhà dột nát xã Đức Ninh. |
| 13 | Xây dựng nhà văn hóa Thôn Bình Minh | 1 | 0,04 | | | | 0,04 | Xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Công văn số 334/UBND - VP ngày 4/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc hỗ trợ kinh phí XD nhà văn hoá và xoá nhà dột nát xã Đức Ninh. |
| 14 | Xây dựng nhà văn hóa Thôn Lĩnh | 1 | 0,07 | | | | 0,07 | Xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Công văn số 334/UBND - VP ngày 4/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc hỗ trợ kinh phí XD nhà văn hoá và xoá nhà dột nát xã Đức Ninh. |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (đến, thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | (Văn bản bố trí vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 15 | Xây dựng nghĩa trang thôn Chợ Tổng | 1 | 0,06 | 0,03 | | | 0,03 | Thôn Chợ Tổng, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Tờ trình số 54 /TTr-SKH ngày 18 /5/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 |
| 16 | Xây dựng nghĩa trang thôn Thát | 1 | 2,00 | | | | 2,00 | Thôn Đình Đặng, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Tờ trình số 54 /TTr-SKH ngày 18 /5/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới , khu dân cư nông thôn mới ; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn ; cụm công nghiệp; khu sản xuất , chế biến nông sản, lâm sản , thủy sản , hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ , rừng đặc dụng** | | | | | | | | | |

*Biểu số 07*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| | **Tổng cộng** | **15** | **90,02** | **18,59** | **-** | **-** | **71,43** | | | |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước , tổ chức chính trị , tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa , danh lam thắng cảnh được xếp hạng , công viên, quảng trường , tượng đài , bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương** | **2** | **7,66** | **6,06** | **-** | **-** | **1,60** | **-** | | |
| 1 | Công trình san nền hạ tầng kỹ thuật, nhà làm việc, Trung tâm học liệu và thông tin thư viện, trường đại học Tân Trào | 1 | 6,26 | 5,66 | | | 0,60 | xã Trung Môn | QĐ số 1464a/QĐ-UBND ngày 30/10/2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án XD công trình: San nền hạ tầng kỹ thuật, nhà làm việc, Trung tâm học liệu và thông tin thư viện, trường đại học Tân Trào | Văn bản số 71/SKH-THKT ngày 26/01/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch vốn, danh mục đầu tư và xây dựng năm 2016 |
| 2 | Công trình xây dựng Khu ký túc xá trường PTHH Trung Sơn, huyện Yên Sơn | 1 | 1,40 | 0,40 | | | 1,00 | Xã Trung Sơn | Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND huyện Yên Sơn về việc điều chỉnh quy hoạch khu ký túc xá trường THPT Trung Sơn | Vốn do UBND huyện Yên Sơn bố trí thực hiện |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| **II** | **Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông , thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị ; công trình thu gom, xử lý chất thải** | **6** | **26,31** | **5,38** | **-** | **-** | **20,93** | | | |
| 1 | Công trình đường giao thông từ khu tái định cư Km13 đến tuyến đường A-B thị trấn huyện lỵ Yên Sơn, huyện Yên Sơn | 1 | 0,96 | | | | 0,96 | xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn | Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương xây dựng công trình | Quyết định số 22/QĐ -UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 |
| 2 | Kênh Hoàng Sơn, xã Chân Sơn | 1 | **0,94** | 0,07 | | | 0,87 | xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn | Quyết định số 129/QĐ-CT ngày 31/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Kênh Hoàng Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 1091/QĐ-CT ngày 13/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Kênh Hoàng Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, | Vốn ngân sách Trung ương cấp cho dự án di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-CT ngày 31/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 3 | Công trình san nền và các công trình hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch dân cư thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn. | 1 | 1,60 | | | | 1,60 | Thị trấn Tân Bình | Quyết định số 176/QĐ-UBND/30/6/2015 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết XD Trụ sở, trạm y tế, và khu dân cư Công ty TNHH MTV cơ khí hóa chất 13 của UBND huyện | Quyết định số 22/QĐ -UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh, V/v phê duyệt kế hoạch đầu tư về xây dựng năm 2016 |
| 4 | Xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 QL2) thuộc dự án đường Hồ Chí Minh (Tiểu dự án 2: Đầu tư xây dựng đường dẫn hai đầu cầu Bình Ca từ Km0+00 - Km4+329,7 và từ Km8+678 - Km12+291,37 (Km124+500 QL2); và khu tái định cư | 1 | 12,73 | 3,60 | | | 9,13 | Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh; Văn bản số 1136/UBND-GT ngày 14/5/2016 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tiểu dự án GPMB cầu Bình Ca và đường dẫn cầu Bình Ca thuộc đường Hồ Chí Minh | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh |
| 5 | Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm | 1 | 10,06 | 1,70 | | | 8,36 | xã Phú Lâm, xã Mỹ Bằng | Quyết định số 128a/QĐ-UBND ngày 02/2/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối Khoáng Mỹ Lâm | Quyết định số 22/QĐ -UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư về xây dựng năm 2016; Văn bản số 71/SKH -THKH ngày 26/01/2016 về việc thông báo kế hoạch vốn, danh mục đầu tư và xây dựng năm 2016 |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 6 | Công trình cải tạo lưới điện Trung áp, hạ áp, tỉnh Tuyên Quang, thuộc dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp điện năng, lượng điện khu vực Miên Bắc. | 1 | 0,02 | 0,01 | | | 0,01 | Xã Mỹ Bằng, xã Kim Quan, xã Nhữ Khê, xã Phúc Ninh, xã Tân Long | Văn bản số 751/UBND-CN ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh V/v triển khai dự án nâng cấp hiệu quả năng lượng khu vực nông thôn vay vốn *Ngân hàng tái thiết Đức giai đoạn 2* | Quyết định số 2254/Q ĐE-VN NPC ngày 30/9/2013 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc, về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tổng dự toán tiểu dự án xây dựng và cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp, tỉnh Tuyên Quang |
| **III** | **Dự án xây d ựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư ; dự án tái định cư , nhà ở cho sinh viên , nhà ở xã hội, nhà ở công vụ ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo ; khu văn hóa , thể thao , vui chơi giải trí phục vụ công cộng ; chợ; nghĩa trang , nghĩa địa , nhà tang lễ , nhà hỏa táng;** | **5** | **34,94** | **7,15** | **0** | **0** | **27,79** | | | |
| 1 | Khu nghỉ dưỡng Vinprearl Tuyên Quang | 1 | 30,00 | 7,00 | | | 23,00 | xã Phú Lâm | Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án khu nghỉ dưỡng Vinpearl Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 2 | Công trình nghĩa trang nhân dân xóm cây dừa, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn | 1 | 0,44 | | | | 0,44 | xã Nhữ Hán | Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 08/8/2008 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng nghĩa trang nhân dân xóm Cây Dừa, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. | Quyết định số 168/QĐ -UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh, V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại Quyết định số 273/QĐ - UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 3 | Công trình nghĩa trang nhân dân xóm Đồng Rôm, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn | 1 | 1,35 | | | | 1,35 | xã Nhữ Hán | Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 08/8/2008 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng nghĩa trang nhân dân xóm Cây Dừa, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. | Quyết định số 168/QĐ -UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh, V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại Quyết định số 273/QĐ - UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 4 | Công trình nghĩa trang nhân dân xóm Đõ, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn | 1 | 1,80 | | | | 1,80 | xã Mỹ Bằng | Quyết định số 169/QĐ/CT ngày 30/01/2007 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật,hạ tầng xã hội và bố trí tái định cư cho các hộ nhân dân vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang tại xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. | Quyết định số 168/QĐ -UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh, V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại Quyết định số 273/QĐ - UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 5 | Công trình nghĩa trang nhân dân xóm Cây Sim, (Gò Danh) xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn | 1 | 1,35 | 0,15 | | | 1,20 | xã Nhữ Khê | *Quyết định số 401/QĐ/CT ngày 12/4/2010 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật,hạ tầng xã hội và bố trí tái định cư cho các hộ nhân dân vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.* | Quyết định số 168/QĐ -UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh, V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại Quyết định số 273/QĐ - UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới , khu dân cư nông thôn mới ; chỉnh trang đô thị , khu dân cư nông thôn ; cụm công nghiệp ; khu sản xuất, chế biến nông sản , lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung ; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;** | **2** | **21,11** | **0** | **0** | **0** | **21,11** | | | |
| 1 | Công trình khu dân cư xóm 5, xã Tân long | 1 | 1,11 | | | | 1,11 | xã Tân Long | Quyết định 560/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt chi tiết khu dân cư xoám 5, xã Tân Long | Vốn thu cấp quyền và nguồn vốn hợp pháp khác của huyện năm 2016 |
| 2 | Xây dựng nhà máy chế biến gỗ của Công ty Cổ phần Woodsland Tuyên Quang tại Cụm Công nghiệp Thắng Quân huyện Yên Sơn | 1 | 20,00 | | | | 20,00 | xã Thắng Quân | Văn bản số 1596/UBND-TNMT ngày 24/6/2016 về dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ của Công ty Cổ phần Woodsland Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Ghi chú (văn bản bố trí vốn, nguồn vốn) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| **V** | **Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản.** | **0** | - | - | - | - | - | | | |

*Biểu số 08*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SƠN DƯƠNG , TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| | **Tổng cộng** | **12** | **54,86** | **7,63** | **-** | **-** | **47,23** | | | |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;** | **2** | **1,30** | **0,10** | **0,00** | **0,00** | **1,20** | | | |
| 1 | Xây dựng trường tiểu học Đông Lợi | 1 | 1,20 | | | | 1,20 | Thôn Phúc Kiện, xã Đông lợi | Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh, mở rộng quy hoạch; xây dựng hệ thống cấp điện khu tái định cư dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 2 | Xây dựng Trụ sở nhà làm việc của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Lương Thiện (giai đoạn 2) | 1 | 0,10 | 0,10 | | | | xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương | Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở nhà làm việc của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |
| **II** | **Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải** | **2** | **1,65** | **0,3** | **0** | **0** | **1,35** | | | |
| 1 | Đường từ Quốc lộ 2C vào địa điểm thực hiện dự án tổ hợp sản xuất giống gia súc gia cầm tại xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương | 1 | 1,50 | 0,30 | | | 1,20 | xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng tổ hợp sản xuất giống gia súc, gia cầm | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam) |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 2 | Sửa chữa, nâng cấp đường từ Quốc lộ 37 vào khu nhà làm việc của HĐND, UBND huyện và nhà khác huyện Sơn Dương | 1 | 0,15 | 0,00 | | | 0,15 | Tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Sơn Dương | Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt chủ trương sửa chữa, nâng cấp đường từ Quốc lộ 37 và khu nhà làm việc của HĐND, UBND huyện và nhà khác huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |
| **III** | **Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;** | **1** | **0,5** | **0,00** | **0** | **0** | **0,5** | **0** | | |
| 1 | Xây dựng công trình: Nhà hiệu bộ trường Mầm non xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương | 1 | 0,50 | **0,00** | | | 0,50 | Xã Tuân Lộ | Công văn số 655/UBND-XA ngày 15/6/2006 của UBND huyện Sơn Dương về việc duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nhà hiệu bộ trường Mầm non xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương | Vốn theo chương trình Nông thôn mới |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;** | **5** | **47,57** | **3,59** | **0,00** | **0,00** | **43,98** | | | |
| 1 | Điểm dân cư thôn Đồng Phú, xã Hào Phú | 1 | 1,85 | 1,85 | | | | Thôn Đồng Phú, xã Hào Phú | Quyết định số298/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt quy hoạch và dự toán khảo sát, lập qy hoạch điểm dân cư thôn Đồng Phú, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |
| 2 | Mở rộng quy hoạch khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C | 1 | 1,50 | 1,40 | | | 0,10 | Thôn Quyết Thắng, Ba Nhà xã Sơn Nam | Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh, mở rộng quy hoạch; xây dựng hệ thống cấp điện khu tái định cư dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 3 | Khu TĐC dự án cải tạo, nâng cấp đường 13B, TT Sơn Dương (Giai đoạn 2) | 1 | 1,48 | 0,00 | | | 1,48 | Tổ dân phố Thịnh Tiến, TT Sơn Dương | Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh, mở rộng quy hoạch; xây dựng hệ thống cấp điện khu tái định cư dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |
| 4 | Xây dựng tổ hợp sản xuất giống gia súc, gia cầm | 1 | 42,40 | 0,00 | | | 42,40 | Thôn Định Chung, xã Phúc Ứng | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng tổ hợp sản xuất giống gia súc, gia cầm | vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam) |
| 5 | Xây dựng Khu dân cư tổ DP Tân Thịnh, TT Sơn Dương (phần bổ sung) | 1 | 0,34 | 0,34 | | | | Tổ DP Tân Thịnh, TT Sơn Dương | Quyết định số 3605/QĐ-CT ngày 02/12/2003 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Tân Thịnh, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình, dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (thôn, xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| **V** | **Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản.** | **2** | **3,84** | **3,64** | **-** | **-** | **0,20** | | | |
| 1 | Khai thác mỏ cao lanh tại xã Bình Yên, xã Lương Thiện (giai đoạn 2) | 1 | 2,84 | 2,84 | | | | Xã Bình Yên, Lương Thiện | Giấy phép số 1252/GP-BTNMT ngày 26/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần sản xuất Thương Mại Lộc Phát) |
| 2 | khai thác mỏ cao lanh, felspat Hào Phú (khu A) tại thôn Thắng Lợi, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương (giai đoạn 2) | 1 | 1,00 | 0,8 | | | 0,2 | Thôn Thắng Lợi, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương | Giấy phép khai thác số 2876/GP-BTNMT ngày 09/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Prime Hào Phú) |

*Biểu số 09*

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG DƯỚI 20 HA THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM B, KHOẢN 1, ĐIỀU 58, LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| | **TỔNG CỘNG** | **50** | **254,92** | **65,50** | **-** | **-** | **189,42** | | | |
| **A** | **DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT VÌ MỤC ĐÍCH AN NINH QUỐC PHÒNG (ĐIỀU 61, LUẬT ĐẤT ĐAI 2013)** | | | | | | | | | |
| **B** | **DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, LỢI ÍCH CÔNG CỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG THEO KHOẢN 3, ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI 2013** | **44** | **253,23** | **64,01** | **-** | **-** | **189,22** | | | |
| **I** | **Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị , tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa , danh lam thắng cảnh được xếp hạng , công viên , quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương** | **5** | **10,84** | **7,86** | **-** | **-** | **2,97** | | | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 1 | Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang | 1 | 2,54 | 1,48 | | | 1,05 | Tổ 16, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang | Quyết định số 1455a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 71/SKH-THKH ngày 26/01/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về thông báo kế hoạch vốn, danh mục đầu tư và xây dựng năm 2016 |
| 2 | Chi cục thuế huyện Chiêm Hóa | 1 | 0,54 | 0,22 | | | 0,32 | Đồng Tụ, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa | Văn bản số 749/UBND-TNMT ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương và địa điểm quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc của Chi cục Thuế huyện Chiêm Hóa; | Văn bản số 2650/BTC-KHTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính |
| 3 | Công trình san nền hạ tầng kỹ thuật, nhà làm việc, Trung tâm học liệu và thông tin thư viện, trường đại học Tân Trào | 1 | 6,26 | 5,66 | | | 0,60 | xã Trung Môn, huyện Yên Sơn | QĐ số 1464a/QĐ-UBND ngày 30/10/2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án XD công trình: San nền hạ tầng kỹ thuật, nhà làm việc, Trung tâm học liệu và thông tin thư viện, trường đại học Tân Trào | Văn bản số 71/SKH-THKT ngày 26/01/2016 của Sở KH& ĐT V/v thông báo kế hoạch vốn, danh mục đầu tư và xây dựng năm 2016 |
| 4 | Công trình xây dựng Khu ký túc xá trường PTHH Trung Sơn, huyện Yên Sơn | 1 | 1,40 | 0,40 | | | 1,00 | Xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn | Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND huyện Yên Sơn về việc điều chỉnh quy hoạch khu ký túc xá trường THPT Trung Sơn | Vốn do UBND huyện Yên Sơn bố trí thực hiện |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 5 | Xây dựng Trụ sở nhà làm việc của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Lương Thiện (giai đoạn 2) | 1 | 0,10 | 0,10 | | | | xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương | Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở nhà làm việc của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |
| **II** | **Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi , cấp nước , thoát nước, điện lực , thông tin liên lạc , chiếu sáng đô thị ; công trình thu gom, xử lý chất thải** | **13** | **195,46** | **34,88** | **-** | **-** | **160,58** | | | |
| 1 | Dự án mở mới đường Lý Thái Tổ | 1 | 5,80 | 4,00 | | | 1,80 | Tân Quang, Phan Thiết, Ỷ La, thành phố Tuyên Quang | Quyết định số 1129/QĐ-CT ngày 16/7/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án mở mới đường Lý Thái Tổ | Vốn nhà đầu tư (thực hiện theo hình thức BT) |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 2 | Xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 QL2) thuộc dự án đường Hồ Chí Minh (Tiểu dự án 2: Đầu tư xây dựng đường dẫn hai đầu cầu Bình Ca từ Km0+00 - Km4+329,7 và từ Km8+678 - Km12+291,37 (Km124+500 QL2); và khu tái định cư | 1 | 8,84 | 2,50 | | | 6,34 | xã An Khang, xã Thái Long và xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh; Văn bản số 1136/UBND-GT ngày 14/5/2016 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tiểu dự án GPMB cầu Bình Ca và đường dẫn cầu Bình Ca thuộc đường Hồ Chí Minh | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh |
| 3 | Xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 QL2) thuộc dự án đường Hồ Chí Minh (Tiểu dự án 2: Đầu tư xây dựng đường dẫn hai đầu cầu Bình Ca từ Km0+00 - Km4+329,7 và từ Km8+678 - Km12+291,37 (Km124+500 QL2); và khu tái định cư | 1 | 12,73 | 3,60 | | | 9,13 | Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh; Văn bản số 1136/UBND-GT ngày 14/5/2016 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tiểu dự án GPMB cầu Bình Ca và đường dẫn cầu Bình Ca thuộc đường Hồ Chí Minh | Quyết định số 985/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bình Ca thuộc dự án đường Hồ Chí Minh |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 4 | Đường từ Bản Tàm, xã Sơn Phú đến đường ĐT.190 (nay là QL 279), xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | 1 | **1,17** | **0,23** | | | 0,94 | Thôn Bản Tàm, thôn Bản Lằn, xã Sơn Phú | Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình đường từ Bản Tàm xã Sơn Phú đến đường ĐT.190 (nay là quốc lộ 279), xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang | Vốn di dân tỉnh |
| 5 | Nhà máy thủy điện Sông Lô 6 | 1 | 60,00 | 9,90 | | | 50,10 | xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên | Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000177 ngày 15/11/2014 do UBND tỉnh Hà Giang cấp lần đầu để *thực hiện dự án thủy điện Sông Lô 6* tại xã Vĩnh Hảo huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang và xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; Văn bản số 2419/UBND-CN ngày 05/10/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc khảo sát lập dự án Thủy điện Sông Lô 6 | Vốn Nhà đầu tư (Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang) |
| 6 | Đường dây và trạm biến áp 110 kv Hàm Yên, Tuyên Quang | 1 | 2,30 | 0,30 | | | 2,00 | Thị trấn Tân Yên, xã Đức Ninh, xã Thái Hòa, xã Thành Long huyện Hàm Yên | Văn bản số 1195/UBND-CN ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây và vị trí trạm biến áp 110 Kv Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư (Ban quản lý dự án lưới điện) |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 7 | Xây dựng thủy điện Thác Vàng | 1 | 89,00 | 9,20 | | | 79,80 | Xã Minh Dân, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên | Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng thủy điện Thác Vàng | Vốn nhà đầu tư (Công ty cổ phần công nghiệp Long Việt) |
| 8 | Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm | 1 | 10,06 | 1,70 | | | 8,36 | | Quyết định số 128a/QĐ-UBND ngày 02/2/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối Khoáng Mỹ Lâm | Quyết định số 22/QĐ -UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vầ xây dựng năm 2016; Văn bản số 71/SKH -THKH ngày 26/01/2016 về việc thông báo kế hoạch vốn, danh mục đầu tư và xây dựng năm 2016 |
| 9 | Công trình cải tạo lưới điện Trung áp, hạ áp, tỉnh Tuyên Quang, thuộc dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp điện năng, lượng điện khu vực Miên Bắc. | 1 | 0,02 | 0,01 | | | 0,01 | Xã Mỹ Bằng, xã Kim Quan, xã Nhữ Khê, xã Phúc Ninh, xã Tân Long | Văn bản số 751/UBND-CN ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh V/v triển khai dự án nâng cấp hiệu quả năng lượng khu vực nông thôn vay vốn Ngân hàng tái thiết Đức giai đoạn 2 | Quyết định số 2254/Q ĐE-VN NPC ngày 30/9/2013 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc, về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tổng dự toán tiểu dự án xây dựng và cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp, tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án giảm cường độ phát triển trong |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 10 | Đường từ Quốc lộ 2C vào địa điểm thực hiện dự án tổ hợp sản xuất giống gia súc gia cầm tại xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương | 1 | 1,50 | 0,30 | | | 1,20 | xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng tổ hợp sản xuất giống gia súc, gia cầm | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam) |
| 11 | Kênh Hoàng Sơn, xã Chân Sơn | 1 | 0,94 | 0,07 | | | 0,87 | xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn | Quyết định số 129/QĐ-CT ngày 31/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Kênh Hoàng Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 1091/QĐ-CT ngày 13/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Kênh Hoàng Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, | Vốn ngân sách Trung ương cấp cho dự án di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-CT ngày 31/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang |
| 12 | Bãi tập kết rác thải | 1 | 0,07 | 0,07 | | | - | Thôn Cây Chanh 1, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 28/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch vốn tại 06 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 13 | Xây dựng đường vào nghĩa trang thôn Khun Hon | 1 | 3,03 | 3,00 | | | 0,03 | xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình | Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng nguồn vốn góp của tập đoàn Điện lực Việt Nam tại quyết định 273/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Uỷ ban nhâ dân tỉnh | Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng nguồn vốn góp của tập đoàn Điện lực Việt Nam tại quyết định 273/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Uỷ ban nhâ dân tỉnh |
| **III** | **Dự án xây d ựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội , nhà ở công vụ ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng ; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ , nhà hỏa táng** | **15** | **36,12** | **10,80** | **-** | **-** | **25,32** | | | |
| 1 | *Sân thể thao xã Côn Lôn* | 1 | 0,60 | 0,32 | | | 0,28 | Thôn 4, Xã Côn Lôn | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Văn bản số 270/UBND-NLN ngày 28/4/2016 của UBND huyện Na Hang về việc đề xuất phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 2 | Sân thể thao trung tâm xã Vinh Quang | 1 | 0,9 | 0,20 | | | 0,65 | thôn Vĩnh Tường, xã Vinh Quang | Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương bãi rác thải trung tâm xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn huy động khác |
| 3 | Nhà Văn hóa thôn Ngòi Lộc | 1 | 0,14 | 0,02 | | | 0,12 | Thôn Ngòi Lộc, xã Minh Khương | Quyết định 1044/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn Ngòi Khương và san nền nhà văn hóa thôn Ngòi Lộc, xã Minh Khương | Quyết định 89/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND huyện Hàm Yên về việc phê duyệt kế hoạch vốn và giao dự toán kinh phí năm 2016 để thực hiện Chương trình 135 năm 2016 đối với các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quan |
| 4 | Xây dựng nhà văn hóa Thôn Trung Tâm | 1 | 0,05 | 0,05 | | | | Thôn Trung Tâm, xã Minh Dân | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |
| 5 | Xây dựng nhà văn hóa Thôn Lâm Tiến | 1 | 0,05 | 0,05 | | | | Thôn Lâm Tiến, xã Minh Dân | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 20/4/2014 của UBND huyện Hàm Yên về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 6 | Xây dựng nghĩa trang thôn Chợ Tổng | 1 | 0,06 | 0,03 | | | 0,03 | Thôn Chợ Tổng, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 2016 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình UBND tỉnh Tuyên Quang đề nghị hỗ trợ vốn xây dựng |
| 7 | Công trình nghĩa trang nhân dân xóm Cây Sim, (Gò Danh) xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn | 1 | 1,35 | 0,15 | | | 1,20 | xã Nhữ Khê | Quyết định số 401/QĐ/CT ngày 12/4/2010 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật,hạ tầng xã hội và bố trí tái định cư cho các hộ nhân dân vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. | Quyết định số 168/QĐ -UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh, V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại Quyết định số 273/QĐ - UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 8 | Khu nghỉ dưỡng Vinprearl Tuyên Quang | 1 | 30,00 | 7,00 | | | 23,00 | xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn | Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án khu nghỉ dưỡng Vinpearl Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư (Tập đoàn Vingroup - Công ty CP) |
| 9 | Khu dịch vụ, bãi đỗ xe đền Cấm Sơn, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | 1 | 0,54 | 0,54 | | | | Thôn Hưng Kiểu 4, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | QĐ số 40a/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dịch vụ, bãi đỗ xe đền Cấm Sơn, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | Vốn của Chủ đầu tư |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 10 | Sân vận động xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang (giai đoạn 2) | 1 | 0,40 | 0,40 | | | | Thôn Chè 6, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang | Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 | Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2016 từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí |
| 11 | Xây dựng Sân thể thao thôn Lập Thành | 1 | 1,50 | 1,50 | | | | Thôn Lập Thành, xã Đức Ninh | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 28/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch vốn tại 06 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 |
| 12 | Xây dựng Sân thể thao thôn Cây Chanh 1 | 1 | 0,15 | 0,15 | | | | Thôn Cây Chanh 1, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 28/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch vốn tại 06 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 |
| 13 | Xây dựng Sân thể thao thôn Chẽ | 1 | 0,23 | 0,19 | | | 0,04 | Thôn Chẽ, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 28/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch vốn tại 06 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 14 | Xây dựng Sân thể thao thôn Đình Đặng | 1 | 0,04 | 0,04 | | | | Thôn Đình Đặng, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2016 | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 28/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch vốn tại 06 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 |
| 15 | Xây dựng Sân thể thao thôn 21 | 1 | 0,17 | 0,17 | | | | Thôn 21, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên | Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/20016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2017 | Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 28/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch vốn tại 06 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 |
| **IV** | **Dự án xây dựng khu đô thị mới , khu dân cư nông thôn mới ; chỉnh trang đô thị , khu dân cư nông thôn ; cụm công nghiệp; khu sản xuất , chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung ; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng** | **9** | **6,98** | **6,83** | **0** | **0** | **0,15** | | | |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 1 | Khu dân cư Noong Phường, thôn Nong Phường, xã Minh Quang | 1 | 0,35 | 0,35 | | | | thôn Nong Phường, xã Minh Quang | Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Noong Phường, thôn Noong Phường, xã Minh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |
| 2 | Khu dân cư Tát Chùa, thôn Tát Chùa, xã Yên Nguyên | 1 | 0,30 | 0,25 | | | 0,05 | thôn Tát Chùa, xã Yên Nguyên | Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Tát Chùa, thôn Tát Chùa, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |
| 3 | Khu dân cư Nà Coóng, thôn Nông Tiến 1, xã Trung Hà | 1 | 0,38 | 0,38 | | | | thôn Nông Tiến 1, xã Trung Hà | Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Nà Coóng, thôn Nông Tiến 1, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 4 | Khu dân cư trung tâm xã, thôn Bản Tụm, xã Tân Mỹ | 1 | 0,54 | 0,54 | | | | thôn Bản Tụm, xã Tân Mỹ | Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương lập quy hoạch chi tiết khu dân cư trung tâm xã, thôn Bản Tụm, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang | Văn bản số 487/UBND-TNMT ngày 18/5/2016 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc cam kết vốn đầu tư 05 công trình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Chiêm Hóa |
| 5 | Điểm dân cư thôn Đồng Phú, xã Hào Phú | 1 | 1,85 | 1,85 | | | | Thôn Đồng Phú, xã Hào Phú | Quyết định số298/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt quy hoạch và dự toán khảo sát, lập qy hoạch điểm dân cư thôn Đồng Phú, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |
| 6 | Mở rộng quy hoạch khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C | 1 | 1,50 | 1,40 | | | 0,10 | Thôn Quyết Thắng, Ba Nhà xã Sơn Nam | Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh, mở rộng quy hoạch; xây dựng hệ thống cấp điện khu tái định cư dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 7 | Xây dựng Khu dân cư tổ DP Tân Thịnh, TT Sơn Dương (phần bổ sung) | 1 | 0,34 | 0,34 | | | | Tổ dân phố Tân Thịnh, TT Sơn Dương | Quyết định số 3605/QĐ-CT ngày 02/12/2003 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Tân Thịnh, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương | Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016 trên địa bàn huyện Sơn Dương |
| 8 | Xây dựng khu dân cư trung tập trung thôn Nà Cọn | 1 | 0,22 | 0,22 | | | | Xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình | Quyết định số 177 /QĐ-UBND ngày 9/6/2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Bình Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nà Cọn, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang | Quyết định số 177 /QĐ-UBND ngày 9/6/2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Bình Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nà Cọn, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang |
| 9 | Khu dân cư trục đường Quốc lộ 2 từ đường vào Viến Châu đến giáp ngã ba đi Đồng Thắm thuốc xã An Tường, thành phố Tuyên Quang (Nay là khu dân cư An Phú, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang) | 1 | 1,50 | 1,50 | | | | Xã An Tường, TP TQ | Quyết định số 2119/QĐ-CT ngày 7/6/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư trục đường Quốc lộ 2 từ đường vào Viến Châu đến giáp ngã ba đi Đồng Thắm thuốc xã An Tường, thành phố Tuyên Quang | Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2016 từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| **V** | **Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản.** | **2** | **3,84** | **3,64** | **0** | **0** | **0,2** | | | |
| 1 | Khai thác mỏ cao lanh tại xã Bình Yên, xã Lương Thiện (giai đoạn 2) | 1 | 2,84 | 2,84 | | | | Xã Bình Yên, Lương Thiện | Giấy phép số 1252/GP-BTNMT ngày 26/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần sản xuất Thương Mại Lộc Phát) |
| 2 | khai thác mỏ cao lanh, felspat Hào Phú (khu A) tại thôn Thắng Lợi, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương (giai đoạn 2) | 1 | 1,00 | 0,8 | | | 0,2 | Thôn Thắng Lợi, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương | Giấy phép khai thác số 2876/GP-BTNMT ngày 09/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Vốn nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Prime Hào Phú) |
| **C** | **DỰ ÁN KHÁC** | **6** | **1,69** | **1,49** | **-** | **-** | **0,20** | | | |
| 1 | Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu xã Hào Phú, huyện Sơn Dương | 1 | 0,30 | 0,20 | | | 0,10 | Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương | Văn bản số 273/UBND-CN ngày 03/2/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại xã Hào Phú, huyện Sơn Dương | Vốn nhà đầu tư (Công ty cổ phần Lâm sản và khoáng sản Tuyên Quang) |

| TT | Tên dự án, công trình | Số công trình dự án | Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha) | | | | | Địa điểm thực hiện dự án, công trình (xã) | Căn cứ pháp lý (Phê duyệt chủ trương đầu tư; hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư) | Văn bản ghi vốn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng diện tích | *Đất trồng lúa (LUA)* | *Đất rừng đặc dụng (RDD)* | *Đất rừng phòng hộ (RPH)* | *Các loại đất khác* | | | |
| 2 | Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại tổ 5, phường Ỷ La, thành phố Tuyên Quang | 1 | 0,45 | 0,45 | | | | Phường Ỷ La, thành phố Tuyên Quang | Văn bản số 1181/UBND-CN ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại tổ 5, phường Ỷ La, thành phố Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư (Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Thanh Giang) |
| 3 | Mở rộng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Ỷ La Tuyên Quang | 1 | 0,12 | 0,12 | | | | Phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang | Văn bản số 1347/UBND-TNMT ngày 02/6/2016 của UBND tỉnh về chủ trương mở rộng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Ỷ La tại phường Tân Hà , thành phố Tuyên Quang | Vốn nhà đầu tư (Công ty xăng dầu Tuyên Quang - Công ty TNHH Một thành viên) |
| 4 | Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại thôn Làng Ngoài 1, xã Lực Hành | 1 | 0,12 | 0,12 | | | | xã Lực Hành, huyện Yên Sơn | Văn bản số 208-TB/TU ngày 04/7/2016 của Thường trực tỉnh ủy về chủ trương một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh | Vốn nhà đầu tư (Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Thanh Giang) |
| 5 | Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại tổ Tân Trung, thị trấn Tân Yên | 1 | 0,3 | 0,3 | | | | thị trấn Tân Yên,huyện Hàm Yên | Văn bản số 208-TB/TU ngày 04/7/2016 của Thường trực tỉnh ủy về chủ trương một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh | Vốn nhà đầu tư (Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Thanh Giang) |
| 6 | Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương | 1 | 0,4 | 0,3 | | | 0,1 | thôn Lỗng Khu, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương | Văn bản số 1495/UBND-TNMT ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh về chủ trương mở rộng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại thôn Lỗng Khu, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương | Vốn nhà đầu tư (Công ty xăng dầu Tuyên Quang - Công ty TNHH Một thành viên) |